

CÔNG TY TNHH HKEV VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HKEV VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HKEV VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110818172

3. Ngày thành lập: 20/08/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm 1, thôn Phúc Đức, Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0917891444

Fax:

Email: hkev03@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
2.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
3.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
4.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
5.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
6.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu (Loại trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
7.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
8.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
9.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
10.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
11.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
12.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
13.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
14.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
15.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
16.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
17.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
18.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
19.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
20.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910

Thời gian đăng từ ngày 21/08/2024 đến ngày 20/09/2024

21.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
22.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
23.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
24.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
25.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
26.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
27.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
28.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
29.	Thu gom rác thải độc hại	3812
30.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
31.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
32.	Tái chế phế liệu	3830
33.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
34.	Xây dựng nhà để ở	4101
35.	Xây dựng nhà không để ở	4102
36.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
37.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
38.	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước, không hoạt động thương mại theo ND 94/2017/ND-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền nhà nước)	4221
39.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
40.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
41.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình xử lý bùn	4229
42.	Xây dựng công trình thủy	4291
43.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
44.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
45.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.	4299
46.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4311
47.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4312
48.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
49.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

50.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Thang máy, thang cuốn, Cửa cuốn, cửa tự động, Dây dẫn chống sét, Hệ thống hút bụi,...	4329
51.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
52.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4512
53.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm Hoạt động đấu giá ô tô và xe có động cơ khác)	4513
54.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
55.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm Hoạt động đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
56.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới bán hàng hóa (Trừ đấu giá, đại lý chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, tư vấn pháp luật)	4610
57.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (loại trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
58.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
59.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
60.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (loại trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
61.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
62.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690(Chính)
63.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
64.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các hoạt động bán lẻ tem, súng đạn, tiền kim khí ; kinh doanh vàng miếng)	4773
65.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
66.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
68.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
69.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

70.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
71.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm hoạt động trong quán bar, karaoke, vũ trường,...)	5630
72.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
73.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (loại trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng và Tư vấn chứng khoán)	7490
74.	Cho thuê xe có động cơ	7710
75.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa	8299

6. **Vốn điều lệ:** 9.300.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THẾ ANH	Việt Nam	Thôn Thượng Đạt, Xã Đông Dương, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	1.860.000.000	20,000	014089000030	
2	NGUYỄN THÀNH CÔNG	Việt Nam	Thôn Thượng Đạt, Xã Đông Dương, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	7.440.000.000	80,000	014086007914	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: NGUYỄN THÀNH CÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/09/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 014086007914

Ngày cấp: 08/05/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Thượng Đạt, Xã Đông Dương, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Thượng Đạt, Xã Đông Dương, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội